

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/DS-ST**
Ngày 04/02/2021
V/v: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Vũ

Bà Võ Thị Tố Quyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú: Ông Phan Văn Y – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự đã thụ lý số 198/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2020/QĐXXST-DS ngày 01/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2020/QĐST-DS ngày 21/12/2020; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị S, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: số nhà a, ấp Khu phố a, thị trấn P, huyện P, tỉnh B.

2. Bị đơn: Trần Thị T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: số b, ấp A, xã A, huyện P, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phạm Văn Đ, sinh năm 1974 (Xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: số b, ấp A, xã A, huyện P, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2020 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị S trình bày:***

Vào năm 2018 bà có cho vợ chồng bà T và ông Đ vay số tiền 700.000.000 đồng

nói là về đề làm ăn, thời hạn vay ban đầu 02 bên thỏa thuận là 02 tháng, lãi xuất là 05%/tháng. Sau khi vay tiền thì bà T và ông Đ nói làm ăn thất bại nên không trả tiền gốc đúng hạn và trả lãi theo thỏa thuận. Sau đó bà có thỏa thuận với vợ chồng bà T là nếu khó khăn thì bà lấy lãi từ tháng 02/2018 đến tháng 10/2019 là 15 tháng theo lãi xuất nhà nước 01%/tháng đối với số tiền gốc 700.000.000 đồng tiền lãi là số tiền 105.000.000 đồng nhưng bà chỉ lấy 100.000.000 đồng tiền lãi. Sau đó vợ chồng bà Tuyền có trả dần tiền gốc mà không có đóng lãi cho bà. Trả làm 03 đợt nhưng bà không nhớ ngày cụ thể lần đầu trả 300.000.000 đồng, lần 2 trả 150.000.000 đồng nên có viết một biên nhận mới ngày 30/10/2019 còn nợ lại 250.000.000 đồng và gần nhất trả 20.000.000 đồng còn nợ lại 230.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Trần Thị T và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền 230.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

****Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn Trần Thị T trình bày:***

Bà thừa nhận vào khoảng năm 2018 bà và ông Đ có vay tiền của bà S số tiền 700.000.000 đồng để về mua thức ăn cho tôm bán lại cho khách hàng, ban đầu lãi xuất vay là 05%/tháng. Sau khi vay tiền thì bà có đóng lãi cho bà S được tổng cộng là 570.000.000 đồng. Đối với tiền gốc thì bà có trả từng đợt, bà không nhớ cụ thể lần là ngày nào nhưng đã trả được 470.000.000 đồng còn nợ lại 230.000.000 đồng. Nay bà S yêu cầu bà và ông Đ liên đới trả số tiền 230.000.000 đồng thì bà đồng ý trả với tư cách là cá nhân một mình bà trả không liên quan ông Đ tại vì việc vay tiền bà S là để đầu tư thức ăn do bà đứng bán và quản lý toàn bộ tiền bạc nên bà tự chịu trách nhiệm, không liên quan ông Đ. Đối với tiền lãi bà đã đóng 570.000.000 đồng thì do ban đầu bà và S đã tự nguyện thỏa thuận tiền lãi khi vay nên bà không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã đóng trên.

Hiện nay do gia đình đang gặp khó khăn nên bà xin được trả cho S số tiền 230.000.000 đồng vào tháng 06 (AL) năm 2021.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ đề nghị xét xử vắng mặt nhưng quá trình tố tụng theo biên bản lấy lời khai ngày 05/11/2020 ông Đ trình bày:***

Ông là chồng của bà Trần Thị T trước đây vợ chồng bà có vay tiền của bà S để làm ăn nhưng các khoản vay trước ông đã trả hết. Khi bà S khởi kiện thì ông có nghe vợ ông nói là sau khi đã trả xong các khoản vay trước thì vợ ông có vay tiếp của bà S để đầu tư thức ăn nhưng do làm ăn thất bại nên còn nợ bà S số tiền 230.000.000 đồng. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số 230.000.000

đồng thì đây là số tiền vợ ông vay để đầu tư thức ăn, bà T tự quản lý hết tiền bạc nên bà T tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà S. Nếu đến tháng 06 (AL) năm 2021 mà bà T không còn khả năng trả nợ cho bà S thì ông sẽ đứng ra trả thay cho bà T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ vắng mặt tại buổi công khai chứng cứ và hòa giải chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị S về việc buộc bà Trần Thị T và ông Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S tiền vay là 230.000.000 đồng. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối số tiền nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN;

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị S yêu cầu bà Trần Thị T và ông Phạm Văn Đ về việc buộc bà T và ông Đ phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay là 230.000.000 đồng nên căn cứ vào điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 12/8/2020 của Công an xã An Thạnh đã xác nhận bà Trần Thị T và ông Phạm Văn Đ hiện đang cư trú tại xã A, huyện P, tỉnh B. Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ là đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Lê Thị S với bị đơn Trần Thị T thống nhất hợp đồng vay bắt đầu từ năm 2018 đến tháng 10 năm 2019 hai bên chốt nợ. Ngày 29/9/2020 bà Lê Thị S khởi kiện. Căn cứ vào điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Nội dung vụ án: Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn Lê Thị S và Trần Thị T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, giữa nguyên đơn Lê Thị S với bị đơn Trần Thị T đã thống nhất số tiền mà hiện nay bà T còn nợ bà S tiền vay là 230.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ cũng thừa nhận hiện nay bà T là vợ ông có vay tiền và còn nợ bà S số tiền vay là 230.000.000 đồng nhưng đến nay do gia đình đang gặp khó khăn nên bà T vẫn chưa trả cho bà S được. Vì vậy, nguyên đơn không cần phải chứng minh cho số tiền 230.000.000 đồng mà bị đơn còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của mình được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Đối với số tiền lãi bà Tuyên cho rằng trước đây bà đã đóng cho bà S 570.000.000 đồng nhưng trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà S không thừa nhận việc này và bà T cũng không có yêu cầu Tòa án tính lại số tiền lãi đã đóng cho bà S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về thời gian trả nợ của bị đơn bà Trần Thị T: Bà T cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn, nên xin được trả số tiền 230.000.000 vào tháng 6 (AL) năm 2021, yêu cầu của bà T không được bà S đồng ý, khi thực hợp đồng vay các bên không có thỏa thuận trên. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà S trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S, nên yêu cầu ngày trả của bà T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với yêu cầu của bà Lê Thị S buộc trách nhiệm liên đới giữa bà Trần Thị T và chồng là ông Phạm Văn Đ: Xét thấy mặc dù bà T và ông Đ cho rằng tiền nợ bà S là do bà T làm ăn cá nhân bà T đứng tên nên bà T tự chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, số tiền 230.000.00 đồng các bên thống nhất là số tiền còn lại của số tiền đã mượn từ ban đầu là 700.000.000 đồng và khi bà T thực hiện giao dịch dân sự với bà S thì bà T và ông Đ là vợ chồng được pháp luật công nhận và ông Đ cũng biết số tiền vay này nhằm đầu tư thức ăn để phát triển kinh tế gia đình. Nên cần buộc trách nhiệm liên đới của ông Phạm Văn Đ cùng bà Trần Thị T trả số tiền vay 230.000.000 đồng cho bà S là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, việc bà S yêu cầu bà T và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay 230.000.000 đồng này là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối số tiền nợ.

[9] Án phí dân sự giá ngạch: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Trần Thị T và ông Phạm Văn Đ phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch theo

quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[10] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều các Điều 463, 465, 466, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị S.

Buộc bà Trần Thị T và ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị S số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự giá ngạch: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn Đ phải liên đới nộp là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm năm trăm nghìn đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) cho bà Lê Thị S theo biên lai thu số 0003123 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Thanh Phú (2b);
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú(1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy